

Bản án số: 16/2025/HS-PT

Ngày: 22-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thiện Tâm

Các Thẩm phán: Ông Lê Hùng Cường

Bà Huỳnh Thị Phụng

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ánh Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Vi – Kiểm sát viên.

Các ngày 20 và 22 tháng 01 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 198/2024/TLPT-HS ngày 03 tháng 12 năm 2024. Do có kháng cáo của các bị cáo Lê Minh N và Phạm Tấn H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2024/HS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. **Lê Minh N**, sinh ngày 23/5/2003 tại Tiền Giang. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn N1 và bà (không rõ); bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/4/2022 đến ngày 29/4/2022 chuyển tạm giam và đến ngày 18/7/2022 cho bảo lãnh đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. **Phạm Tấn H**, sinh ngày 05/02/2003 tại Tiền Giang. Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị Đ; bị cáo chưa có vợ và con; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 20/4/2022 đến ngày 29/4/2022 chuyển tạm giam và đến ngày 18/7/2022 cho bảo lãnh đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Ngoài ra, trong vụ án còn có 02 bị cáo khác, 06 người bị hại và 16 người

có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, nên không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Các bị cáo Phạm Tấn H và Lê Minh N biết rõ tài sản do các bị cáo Lê Minh T và Phạm Quang V phạm tội mà có, nhưng vẫn nhận lời và giúp các bị cáo T và V tiêu thụ các tài sản này để nhằm thu lợi bất chính. Cụ thể như sau:

1. Sau khi thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại bà Trần Bạch L là xe mô tô biển số 62B1-203.72, bị cáo Lê Minh T bảo bị cáo Lê Minh N tìm nơi bán xe, bị cáo N đồng ý và điện thoại bảo bị cáo Phạm Tấn H bán, rồi cùng nhau đi đến nhà của bị cáo T. Khi nghe bị cáo T hứa, nếu bán được sẽ cho tiền các bị cáo H và N và cả hai đồng ý. Bị cáo H trực tiếp mang xe mô tô biển số 62B1-203.72 bán cho ông Nguyễn Hoàng H1 với giá 5.500.000 đồng, bị cáo H đem tiền về đưa hết cho bị cáo V, bị cáo V cho bị cáo H 500.000 đồng, cho bị cáo N 200.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo V dẫn các bị cáo T, H và N đi ăn uống hết.

Tại Kết luận định giá lại tài sản số 6433/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân tỉnh L kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, số loại Sirius màu trắng đen, biển số 62B1-203.72 trị giá 5.100.000 đồng.

2. Đối với tài sản trong vụ cướp tài sản ngày 31/3/2022 là xe SH Mode, biển số 62E1-192.37 của người bị hại Nguyễn Thị Bảo Y: Bị cáo Lê Minh T điện thoại cho bị cáo H, nhằm bảo bị cáo H mang xe mô tô đi bán, nhưng không gọi được, nên bị cáo T bảo bị cáo N điện thoại cho bị cáo H. Sau khi nhận điện thoại của bị cáo N, bị cáo H đến lấy xe mô tô SH Mode biển số 62E1-192.37 mang đi bán cho ông Nguyễn Hoàng H1 với giá 20.000.000 đồng. Bị cáo H giấu 4.000.000 đồng để tiêu xài cá nhân và nói dối với bị cáo T là bán xe được 16.000.000 đồng, bị cáo T nhận 16.000.000 đồng, cho bị cáo H 1.000.000 đồng, còn lại các bị cáo T, V chia nhau mỗi người 7.500.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết.

3. Tối ngày 01/4/2022, bị cáo V nhờ bị cáo H bán điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro, bị cáo H đem đi bán tại xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang nhưng do giá rẻ nên bị cáo H không bán, tự lấy tiền của bị cáo H đưa cho bị cáo T và nói dối là chỉ bán được 3.500.000 đồng. Bị cáo T cho bị cáo H 500.000 đồng, còn lại các bị cáo V, T chia nhau mỗi người 1.500.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, bị cáo H mang điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro nói trên bán cho ông Nguyễn Thành L1 với giá 5.800.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 02/4/2022, bị cáo V sang nhà bị cáo N chơi và cho bị cáo N 200.000 đồng, là tiền công mà bị cáo N đã điện thoại nhờ bị cáo H bán xe dùm bị cáo V, T.

Tại Kết luận định giá lại tài sản số 6433/KL-HĐĐGTS ngày 29/12/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân tỉnh L: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH Mode, màu đỏ nâu, biển số 62E1-192.37 trị giá 25.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro, màu vàng

gold trị giá 23.200.000 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2024/HS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An đã xét xử:

Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Tấn H và Lê Minh N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Phạm Tấn H 01 (Một) năm 06 (S) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ, thời gian tạm giam là 02 (Hai) tháng 28 (Hai mươi tám ngày) ngày kể từ ngày 20/4/2022 đến ngày 18/7/2022.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 50; Điều 17; Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Minh N 01 (Một) năm 03 (Ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ, thời gian tạm giam là 02 (Hai) tháng 28 (Hai mươi tám ngày) ngày kể từ ngày 20/4/2022 đến ngày 18/7/2022.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về tội danh và hình phạt đối với các bị cáo còn lại; thời hạn tiếp tục tạm giam; về biện pháp tư pháp; về xử lý vật chứng; về án phí và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2024 các bị cáo Lê Minh N, Phạm Tấn H kháng cáo với nội dung được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các bị cáo Lê Minh N và Phạm Tấn H bổ sung thêm yêu cầu kháng cáo với nội dung giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Các bị cáo Lê Minh N và Phạm Tấn H kháng cáo đúng thời hạn và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự, nên vụ án đủ điều kiện để xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung vụ việc và yêu cầu kháng cáo: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và xét hỏi tại phiên tòa phúc thẩm, xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo Lê Minh N và Phạm Tấn H phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là xét xử đúng người, đúng tội, không oan cho các bị cáo. Tại phiên tòa các bị cáo có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đó là có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có xác nhận của chính quyền địa phương nơi cư trú. Mặc dù, các bị cáo phạm tội nhiều lần nhưng số tiền hưởng lợi rất ít; nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo, đề nghị xử phạt mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Đối với kháng

cáo được hưởng án treo, các bị cáo không đủ điều kiện để được hưởng án treo theo quy định của pháp luật, nên đề nghị không chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Các bị cáo không tranh luận.

Lời nói sau cùng: Các bị cáo đều trình bày hoàn cảnh gia đình khó khăn, biết hành vi phạm tội là sai, mong được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục kháng cáo: Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 30/8/2024 các bị cáo Lê Minh N và Phạm Tấn H có Đơn kháng cáo. Xét Đơn kháng cáo của các bị cáo thực hiện trong thời hạn luật định, nên được xét xử theo trình tự, thủ tục phúc theo quy định của pháp luật tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung vụ việc và yêu cầu kháng cáo:

[2.1] Về nội dung vụ việc:

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Lê Minh N và Phạm Tấn H khai nhận thống nhất như sau: Giữa các bị cáo N, H với Lê Minh T và Phạm Quảng V là anh em chơi chung ngoài xã hội nên biết nhau. Thông qua bị cáo N, bị cáo H 02 lần được Lê Minh T giao 02 xe mô tô biển số 62B1-203.72 và 62E1-192.37 cùng 01 điện thoại di động hiệu Iphone 13Pro bán cho người khác, vừa được hưởng tiền chênh lệch, vừa được T cho tiền và ăn uống chung. Các tài sản này, các bị cáo N và H đều biết trước do T và V phạm tội mà có. Xét lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác mà nội dung án sơ thẩm đã nêu. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo quy định tại khoản 1 Điều 323 Bộ luật Hình sự là xét xử đúng người, đúng tội.

Căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, cùng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, vai trò của từng bị cáo, xét thấy mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt như trên đối với từng bị cáo là phù hợp.

[2.2] Về yêu cầu kháng cáo giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo, xét thấy:

Đối với kháng cáo giảm nhẹ hình phạt: Tại cấp phúc thẩm các bị cáo có cung cấp thêm tình tiết có hoàn cảnh gia đình khó khăn được Ủy ban nhân dân nơi cư trú xác nhận; ngoài ra, xét thấy khi phạm tội các bị cáo chưa có tiền án, tiền sự; số tiền thu lợi bất chính thấp, là các tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Do đó, có căn cứ để chấp nhận giảm nhẹ một phần hình phạt

cho các bị cáo. Trong đó, bị cáo H hưởng lợi nhiều hơn bị cáo N, nên mức hình phạt đối với bị cáo H phải cao hơn bị cáo N.

Đối với kháng cáo được hưởng án treo: Tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn Điều 65 Bộ luật Hình sự quy định về điều kiện để xem xét có thể cho hưởng án treo như sau: *“Có từ 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Trường hợp có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự thì số tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự phải nhiều hơn số tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự từ 02 tình tiết trở lên, trong đó có ít nhất 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự”*. Trong vụ án này, cả 02 bị cáo N và H mỗi bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo điểm s khoản 1 Điều 51 và 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào khác theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo. Do đó, không chấp nhận kháng cáo được hưởng án treo.

[2.3] Từ những căn cứ và nhận định trên.

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự. Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo N và H về giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo được hưởng án treo. Sửa một phần về hình phạt đối với các bị cáo tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2024/HS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An, như đại diện của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa đề nghị là có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí phúc thẩm: Căn cứ các Điều 135 và Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Các bị cáo N và H không phải chịu án phí, do kháng cáo được chấp nhận một phần.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2021.

Chấp nhận một phần kháng cáo của các bị cáo Lê Minh N và Phạm Tấn H về giảm nhẹ hình phạt, không chấp nhận kháng cáo được hưởng án treo. Sửa một phần về hình phạt đối với các bị cáo Lê Minh N và Phạm Tấn H tại Bản án hình sự sơ thẩm số 76/2024/HS-ST ngày 19 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

2. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Tấn H và Lê Minh N phạm tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

2.1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Tấn H 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ, thời gian tạm giam là 02 (Hai) tháng 28 (Hai mươi tám ngày) ngày kể từ ngày 20/4/2022 đến ngày 18/7/2022.

2.2. Căn cứ: Khoản 1 Điều 323; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 17 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Lê Minh N 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án và được trừ thời gian tạm giữ, thời gian tạm giam là 02 (Hai) tháng 28 (Hai mươi tám ngày) ngày kể từ ngày 20/4/2022 đến ngày 18/7/2022.

3. Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Lê Minh N và Phạm Tấn H không phải chịu án phí.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An (01);
- Sở Tư pháp tỉnh Long An (01);
- TAND TP. Tân An (02);
- VKSND TP. Tân An (01);
- CQĐT Công an TP. Tân An (01);
- Chi cục THADS TP. Tân An (01);
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thiện Tâm